

Ngày thi: 30/09/2014

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	162223359	Hà Tuấn	Anh	K16XDC1	7.5			4		4.5			6.5	6.0	Sáu		
2	162223360	Nguyễn Tấn	Bình	K16XDC1	10			5.5		6			5.8	6.4	Sáu phẩy Bốn		
3	162223362	Trương Quang	Chiến	K16XDC1	10			6		5			5	5.9	Năm phẩy Chín		
4	162223365	Nguyễn Hải	Đăng	K16XDC1	9			6.5		8			4.5	6.0	Sáu		
5	162223367	Phạm Anh	Đức	K16XDC1	6			3		3			3.5	0.0	Không		
6	162223372	Hồ Xuân	Hải	K16XDC1	6			3		6			4.5	4.7	Bốn phẩy Bảy		
7	162223373	Trương Quang	Hận	K16XDC1	9			5		5			3.8	0.0	Không		
8	162223376	Lê Công Vương	Hầu	K16XDC1	7.5			3		6.5			4.5	5.0	Năm		
9	162223378	Hồ Trung	Hiếu	K16XDC1	9			8		7.5			4.5	6.2	Sáu phẩy Hai		
10	162223380	Phạm Trung	Hiếu	K16XDC1	10			6		5.5			4	5.4	Năm phẩy Bốn		
11	162223388	Trương Quang	Hùng	K16XDC1	10			8.5		10			8	8.7	Tám phẩy Bảy		
12	162223389	Lê Công	Hưng	K16XDC1	10			7.5		8			6.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
13	162223393	Trịnh Duy	Khanh	K16XDC1	9			6.5		7			4.5	5.9	Năm phẩy Chín		
14	162223398	Phan Hoàng	Lộc	K16XDC1	9			6		7.5			3.5	0.0	Không		
15	162223400	Nguyễn Bảo	Long	K16XDC1	10			6		8.5			4.8	6.3	Sáu phẩy Ba		
16	162223402	Nguyễn Đình Minh	Nghĩa	K16XDC1	10			7		7			7.8	7.9	Bảy phẩy Chín		
17	162223403	Lê Duy	Ngọc	K16XDC1	10			7		8.5			7	7.7	Bảy phẩy Bảy		
18	162223406	Phạm Văn	Sơn	K16XDC1	7.5			4.5		3			3.5	0.0	Không		
19	162223409	Phan Bá	Thái	K16XDC1	9			7		9.5			7.8	8.1	Tám phẩy Một		
20	162223413	Lê Văn	Thuần	K16XDC1	9			6		7.5			7	7.2	Bảy phẩy Hai		
21	162223415	Nguyễn Anh	Tiến	K16XDC1	5.5			3		7.5			6.3	5.9	Năm phẩy Chín		
22	162223417	Lê Văn	Trọng	K16XDC1	9			5		8.5			7.5	7.5	Bảy phẩy Năm		
23	162223419	Lê Hữu	Trường	K16XDC1	9			3		5			3	0.0	Không		
24	162223423	Đặng Thủy	Tuyên	K16XDC1	10			8		9			6	7.4	Bảy phẩy Bốn		
25	162223425	Bùi Tấn	Việt	K16XDC1	9			3		7.5			3.5	0.0	Không		
26	162223428	Nguyễn Thành	Vinh	K16XDC1	10			10		9			8.5	9.0	Chín		
27	162223432	Trương Văn	Vũ	K16XDC1	10			6.5		5.5			6.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
28	162223433	Đặng Hoàng Duy	Vương	K16XDC1	10			6.5		5.5			3.3	0.0	Không		
29	162226432	Cao Trung	Hiếu	K16XDC1	6			3		4			2	0.0	Không		
30	162226635	Trần Khắc	Khánh	K16XDC1	10			6		8			4.5	6.1	Sáu phẩy Một		
31	162226637	Hoàng Đức	Tuấn	K16XDC1	7			3		7			4	4.8	Bốn phẩy Tám		
32	162226923	Tăng Thị Xuân	Thảo	K16XDC1	8.5			4		7.5			4.8	5.6	Năm phẩy Sáu		
33	162227420	Nguyễn Đức	Tùng	K16XDC1	10			5.5		5			4.5	5.6	Năm phẩy Sáu		
34	162263676	Lê Văn	Hoãn	K16XDC1	10			8.5		9.5			8.5	8.9	Tám phẩy Chín		
35	162123065	Trần Thái	Quang	K16XDC2	9			4.5		5			4	5.0	Năm		
36	162223358	Võ Tuấn	Anh	K16XDC2	9			5		5			3.5	0.0	Không		
37	162223361	Đinh Vũ	Chánh	K16XDC2	10			5		4			3.5	0.0	Không		
38	162223364	Nguyễn Hồ	Cường	K16XDC2	10			3		7			4	5.2	Năm phẩy Hai		
39	162223366	Nguyễn Thành	Đạt	K16XDC2	10			5.5		8			4.5	6.0	Sáu		
40	162223368	Nguyễn Đăng	Dũng	K16XDC2	9			5		5.5			2.5	0.0	Không		
41	162223375	Trần Hải	Hào	K16XDC2	8			6.5		7			3.5	0.0	Không		
42	162223377	Phan Thanh	Hiền	K16XDC2	7.5			3		4			3.5	0.0	Không		

Ngày thi: 30/09/2014

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
43	162223381	Đặng Công	Hiếu	K16XDC2	9			3		7			4	5.1	Năm phẩy Một		
44	162223382	Trần Đình	Hoàn	K16XDC2	8.5			3		4			2.8	0.0	Không		
45	162223384	Nguyễn Trí Khánh	Hoàng	K16XDC2	10			5		6			6	6.5	Sáu phẩy Năm		
46	162223386	Nguyễn Mạnh	Hùng	K16XDC2	9			6		7			4	5.5	Năm phẩy Năm		
47	162223391	Ngô Quang	Hung	K16XDC2	10			5		7			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
48	162223395	Lê Đức	Khôi	K16XDC2	10			5.5		7			5	6.1	Sáu phẩy Một		
49	162223396	Nguyễn Hồng	Lê	K16XDC2	8			4		5			4	4.8	Bốn phẩy Tám		
50	162223397	Nguyễn Văn	Linh	K16XDC2	9			3		7			3	0.0	Không		
51	162223399	Đỗ Hoàng	Long	K16XDC2	10			6		7			4.3	5.8	Năm phẩy Tám		
52	162223408	Nguyễn Đình	Tân	K16XDC2	7.5			3		5			4	4.5	Bốn phẩy Năm		
53	162223410	Nguyễn Văn	Thành	K16XDC2	6			4.5		2			2.8	0.0	Không		
54	162223412	Lê Việt	Thiện	K16XDC2	8			5		5.5			3	0.0	Không		
55	162223416	Lê Văn	Tới	K16XDC2	2			0		0			V	0.0	Không	NỢ HP	
56	162223418	Quán Thành	Trung	K16XDC2	10			3		7			6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
57	162223420	Trần Quý	Tứ	K16XDC2	9			6		6			4.5	5.6	Năm phẩy Sáu		
58	162223424	Đỗ Trung	Tuyển	K16XDC2	10			6		6.5			5	6.1	Sáu phẩy Một		
59	162223426	Nguyễn Quốc	Việt	K16XDC2	9			3		6			4.5	5.2	Năm phẩy Hai		
60	162223430	Trần Anh	Vũ	K16XDC2	8			5		4.5			3	0.0	Không		
61	162223431	Vương	Vũ	K16XDC2	10			5.5		8			5	6.3	Sáu phẩy Ba		
62	162226431	Nguyễn Văn	Hải	K16XDC2	8.5			3		6			2.5	0.0	Không		
63	162227086	Hoàng Như	Ngọc	K16XDC2	8.5			4		3			4	4.5	Bốn phẩy Năm		
64	162227671	Phạm Hòa	Lộc	K16XDC2	4.5			5.5		5.5			3	0.0	Không		
65	142221368	Nguyễn Anh	Tuấn	K16XDC2	10			6		6			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
66	152222778	Trương Xuân	Hoàng	K15XDC	5			5		4			3.5	0.0	Không	18477DT	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	44	68%	
2	Số sinh viên nợ	21	32%	
TỔNG CỘNG :		65	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 10 năm 2014
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Ân